SỞ GDĐT TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG THPT TRẦN HƯNG ĐẠO
Số: 46/QĐ-THPT TrQT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Đăk Hà, ngày 12 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai tài sản năm 2025 của Trường THPT Trần Hưng Đạo

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công, Thông tư số 144/2017/TT-BTC ngày 29/12/2017 hướng dẫn một số nội dung của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 qui định chi tiết một số điều của Luật quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Thông tư số 120/2025/TT-BTCngày 18/12/2025 của Bộ Tài chính về hướng dẫn một số điều của Nghị định số 186/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Quyết định số 15/2025/QĐ-TTg ngày 14/6/2025 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chuẩn, định mức sử dụng máy móc, thiết bị;

Căn cứ Thông tư số 141/2025/TT-BTC của Bộ Tài chính: Hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp;

Xét đề nghị của Ban Cơ sở vật chất của nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố công khai tài sản công năm 2025 của trưởng THPT Trần Hưng Đạo *(theo các biểu đính kèm).*

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Kế toán, văn phòng, các tổ chuyên môn và các bộ phận liên quan trong nhà trường thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Trang web nhà trường, bảng tin (công khai);
- Lưu VP, KT.

HIỆU TRƯỞNG

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN HƯNG ĐẠO

Mai Xuân Kiên

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum **Mẫu số 09a-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo

Mã đơn vị: 1002685

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ XÂY DỰNG, MUA SẮM, GIAO, THUÊ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện (nếu có)	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	Được để lại đơn vị (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
I	**Đầu tư xây dựng, mua sắm**						**33.725**						
4	**Tài sản cố định khác**						**33.725**						
	Bảng đèn Led chạy chữ	Cái	1,00		Việt Nam	2025	33.725						
II	**Tài sản giao mới**						**687.704**						
4	**Tài sản cố định khác**						**687.704**						
	Máy tính để bàn giáo viên	Bộ	1,00	Acer	Trung Quốc	2025	17.670						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						

Stt	Tên tài sản	Đơn vị tính	Số lượng	Nhãn hiệu	Nước sản xuất	Năm sản xuất	Giá mua/thuê (Nghìn đồng)	Hình thức mua sắm/thuê	Nhà cung cấp (người bán)	Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện	Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi (nếu có)		Ghi chú
											Nộp NSNN	Được để lại đơn vị	

										(nếu có)	(Nghìn đồng)	(Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh	Bộ	1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						

Stt	**Tên tài sản**	**Đơn vị tính**	**Số lượng**	**Nhãn hiệu**	**Nước sản xuất**	**Năm sản xuất**	**Giá mua/thuê** (Nghìn đồng)	**Hình thức mua sắm/thuê**	**Nhà cung cấp** (người bán)	**Giá trị các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi thu được khi thực hiện** (nếu có)	**Việc sử dụng các khoản hoa hồng, chiết khấu, khuyến mãi** (nếu có)		**Ghi chú**
											Nộp NSNN (Nghìn đồng)	**Được để lại đơn vị** (Nghìn đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						

	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Máy tính để bàn học sinh		1,00	Acer	Trung Quốc	2025	16.340						
	Ổn áp 20KVA	Cái	1,00	LiOA	Việt Nam	2025	16.434						
	Tổng cộng						**721.429**						

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hiền

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN HƯNG ĐẠO

Mai Xuân Kiên

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum **Mẫu số 09b-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo

Mã đơn vị: 1002685

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TRỤ SỞ LÀM VIỆC, CƠ SỞ HOẠT ĐỘNG SỰ NGHIỆP

Năm 2025

STT	Danh mục trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp	Công khai về đất								Công khai về nhà											Ghi chú
		Diện tích (m2)	Giá trị quyền sử dụng đất theo sổ kế toán (Nghìn đồng)	Hiện trạng sử dụng đất đến thời điểm công khai (m2)						Năm sử dụng	Tổng diện tích sàn sử dụng (m2)	Giá trị theo sổ kế toán (Nghìn đồng)		Hiện trạng sử dụng nhà đến thời điểm công khai (lấy theo diện tích sàn sử dụng (m2))							
				Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp				Sử dụng khác			Nguyên giá	Giá trị còn lại	Trụ sở làm việc	Hoạt động sự nghiệp					Sử dụng khác	
					Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết							Không kinh doanh	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng hỗn hợp		
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19*	*20*	*21*	*22*
1	Quyền sử dụng đất tại 269 đường 24/3	43.236	22.137.037		43.236																
2	Nhà công vụ giáo viên									2007	3.000	410.281	140.070							3.000	
3	Nhà học 27 phòng (Dãy 3 tầng), nhà hiệu hộ, nhà thí nghiệm									2010	4.914	11.381.673	8.328.700		4.914						
4	Nhà trực bảo vệ									2007	9	80.000			9						
5	Nhà vệ sinh học sinh									2011	100	262.270			100						
	Tổng cộng:	**43.236**	**22.137.037**		**43.236**						**8.023**	**12.134.224**	**8.468.769**		**5.023**					**3.000**	

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hiền

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN HƯNG ĐẠO

Mai Xuân Kiên

QLTS.VN

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum **Mẫu số 09c-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo

Mã đơn vị: 1002685

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH QUẢN LÝ, SỬ DỤNG XE Ô TÔ VÀ TÀI SẢN CỐ ĐỊNH KHÁC

Năm 2025

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
I	**Tài sản cố định khác**		**191,00**	**5.859.593**	**2.760.805**	**3.098.788**	**2.031.394**							
1	Bài thí nghiệm chuẩn độ	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	42.208	42.208				x					x
2	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
3	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490				x					x
4	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
5	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
6	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
7	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
8	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
9	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
10	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
11	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490				x					x
12	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
13	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
14	Máy tính xách tay 2016	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	13.000	13.000				x					x
15	Máy tính xách tay HP 15-2018	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	24.948		24.948			x					x
16	Máy vi tính xách tay Dell i5 (03 cái)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	22.935		22.935			x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*

17	Máy vi tính xách tay Dell i5 (03 cái)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	22.935		22.935			x					x
18	Máy vi tính xách tay Dell i5 (03 cái)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	22.935		22.935			x					x
19	Nhà để xe học sinh	Học sinh	1,00	250.000		250.000	175.000							x
20	Ổn áp 20KVA	Phòng máy số 2	1,00	16.434	16.434		13.147							x
21	Ổn áp Lioa SH	Phòng máy số 1	1,00	10.400	10.400					x				x
22	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
23	Ổn áp Tidleo	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	10.670	10.670				x					x
24	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
25	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
26	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
27	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
28	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490				x					x
29	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
30	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490				x					x
31	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
32	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
33	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
34	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490				x					x
35	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
36	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
37	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
38	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
39	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
40	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
41	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490				x					x
42	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
43	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
44	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
45	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490				x					x
46	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490				x					x

47	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
48	Phần mềm chấm thi trắc nghiệm	Ban chuyên môn	1,00	18.000		18.000	10.800		x					x
49	Phần mềm Misa	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.850	20.850				x					x
50	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
51	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
52	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
53	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
54	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
55	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
56	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
57	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
58	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
59	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
60	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
61	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
62	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
63	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	19.950	19.950		3.990		x					x
64	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
65	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
66	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	19.950	19.950		3.990		x					x
67	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
68	Tivi TCL Led 65P618 (65 inphòng họp TT)	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	18.900	18.900				x					x

69	Trống trường	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	10.500	10.500				x					x
70	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
71	Phần mềm hệ thống đánh giá chất lượng giáo dục Edu.index	Ban chuyên môn	1,00	19.800		19.800	11.880		x					x
72	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
73	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	19.950	19.950		3.990		x					x
74	phần mềm Trang thông tin điện tử Trường THPT Trần Quốc Tuấn	CBGVNV trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	17.500	17.500		10.500							x
75	Projecter 2017	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	30.000	30.000				x					x
76	Projecter 2017	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	30.000	30.000				x					x
77	Projecter 2017	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	30.000	30.000				x					x
78	Salôn gỗ	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	16.500	16.500				x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
79	Sân bê tông (Đi qua nhà xe HS 122m2)	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	36.600		36.600	17.080		x					x
80	Sân bóng chuyền, bóng sổ	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	770.295	474.895	295.400	289.605		x					x
81	Sân khấu (115m2)	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	68.248		68.248	31.849							x
82	Thiết bị chuyển mạch 48 cổng	Phòng máy số 1	1,00	11.890	11.890					x				x
83	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	19.950	19.950		3.990		x					x
84	Thiết bị khảo sát định luật Bolye-mariotte	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	77.100	77.100				x					x
85	Thiết bị tra cứu sách (giống máy tính)	Phòng thư viện	1,00	63.500		63.500	38.100		x					x
86	Tivi 75inch	Phòng thư viện	1,00	45.000		45.000	27.000		x					x
87	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
88	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
89	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	19.950	19.950		3.990		x					x
90	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
91	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x

92	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
93	Tivi TCL 65 inch 65P618	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	20.500		20.500	4.100		x					x
94	Thiết bị quang phân phối (AP 505)	Phòng thư viện	1,00	15.600		15.600	9.360							x
95	Tủ tài liệu	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	15.000	15.000				x					x
96	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490				x					x
97	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
98	Kệ trưng bày sách 4	Phòng thư viện	1,00	38.974		38.974	29.231		x					x
99	Kệ trưng bày sách 6.1	Phòng thư viện	1,00	29.597		29.597	22.198		x					x
100	Kệ trưng bày sách 6.2	Phòng thư viện	1,00	29.597		29.597	22.198		x					x
101	Kệ trưng bày sách 6.3	Phòng thư viện	1,00	29.597		29.597	22.198		x					x
102	Kệ trưng bày sách 7.1	Phòng thư viện	1,00	15.265		15.265	11.449		x					x
103	Kệ trưng bày sách 7.2	Phòng thư viện	1,00	15.265		15.265	11.449		x					x
104	Kệ trưng bày sách 8.1	Phòng thư viện	1,00	19.939		19.939	14.954		x					x
105	Kệ trưng bày sách 8.2	Phòng thư viện	1,00	19.939		19.939	14.954		x					x
106	Lát gạch sân trường (2.780 m2)	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	724.045		724.045	362.023		x					x
107	Kệ trưng bày sách 3	Phòng thư viện	1,00	15.265		15.265	11.449		x					x
108	Mà hình Led 65"	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	82.819		82.819								x
109	MAY BO HP 280 M/WIN 10 (phòng họp TT)	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	13.620	13.620				x					x
110	Máy chiếu đa phương tiện và màn chiếu (04 bộ)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	43.233		43.233			x					x
111	Máy chiếu đa phương tiện và màn chiếu (04 bộ)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	43.233		43.233			x					x
112	Máy chiếu đa phương tiện và màn chiếu (04 bộ)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	43.233		43.233			x					x
113	Máy chiếu đa phương tiện và màn chiếu (04 bộ)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	43.233		43.233			x					x
114	Máy chủ Powercom	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	33.000		33.000			x					x
115	Máy Photocopy Toshiba 755	Văn phòng	1,00	75.000	75.000				x					x
116	Máy photocopy Xerox 07	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	89.550		89.550			x					x
117	Máy quét tài liệu S2050	Ban chuyên môn	1,00	24.000		24.000	14.400		x					x

118	Màn hình thông minh LG	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	69.000	69.000				x					x
119	Máy tính để bàn	Phòng thư viện	1,00	14.568		14.568	8.741		x					x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
120	Kệ trưng bày sách 1	Phòng thư viện	1,00	14.331		14.331	10.748		x					x
121	Hệ thống động lực học đa chức năng (Bộ thí nghiệm động lực học đa chức năng)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	30.102		30.102	11.288		x					x
122	Bàn ghế nệm	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	10.000	10.000				x					x
123	Bàn thủ thư (Bàn làm việc của thư viện)	Phòng thư viện	1,00	10.904		10.904	8.178	x						x
124	Bảng đèn Led chạy chữ	Trường THPT Trần Hưng Đạo	1,00	33.725	33.725		29.509		x					x
125	Bảng tên Trường	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	14.300	14.300				x					x
126	Bộ thí nghiệm biểu diễn điện hóa	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	47.000	47.000				x					x
127	Bộ thí nghiệm Quang hợp (Bộ phụ kiện thí nghiệm hô hấp/Quang hợp)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	14.590		14.590	5.471		x					x
128	Bộ thí nghiệm Quang hợp (Bộ phụ kiện thí nghiệm hô hấp/Quang hợp)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	14.590		14.590	1.824		x					x
129	Bộ thí nhiệm về tĩnh điện biêu diễn	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	95.334	95.334				x					x
130	Bộ tiêu bản di truyền học	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	24.240	24.240				x					x
131	Kệ trưng bày sách 1	Phòng thư viện	1,00	14.331		14.331	10.748		x					x
132	Cảm biến theo dõi bức xạ (03 cái)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	14.104		14.104	5.289		x					x
133	Cảm biến theo dõi bức xạ (03 cái)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	14.104		14.104	5.289		x					x
134	Camera hội nghị truyền hình OBTVD C-4000 (phòng họp TT)	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	25.920	25.920				x					x
135	Cột cờ (01 cái)	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	101.641		101.641	50.821		x					x
136	Điều hòa nhiệt độ	Phòng Hiệu trưởng	1,00	26.500	26.500				x					x

	Danh mục xe ô tô và tài sản			Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)	Mục đích sử dụng

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
137	Giàn âm thanh loa máy 2015	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	95.000	95.000				x					x
138	Giếng khoan	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	35.796	35.796				x					x
139	Hệ thống cảm biến thông minh 03 cái(TB nhận và xử lý dữw liệu)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	15.153		15.153	5.683		x					x
140	Hệ thống cảm biến thông minh 03 cái(TB nhận và xử lý dữw liệu)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	15.153		15.153	5.683		x					x
141	Hệ thống cảm biến thông minh 03 cái(TB nhận và xử lý dữw liệu)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	15.153		15.153	5.683		x					x
142	Cảm biến theo dõi bức xạ (03 cái)	Phòng Thiết bị thí nghiệm	1,00	14.104		14.104	5.289		x					x
143	Máy tính học sinh Robo	Phòng máy số 1	1,00	13.490	13.490					x				x
144	Máy tính để bàn	Phòng thư viện	1,00	14.568		14.568	8.741		x					x
145	Máy tính để bàn	Phòng thư viện	1,00	14.568		14.568	8.741		x					x
146	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
147	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
148	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
149	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
150	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
151	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
152	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
153	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
154	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
155	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
156	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
157	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
158	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
159	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
160	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
161	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x

162	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
163	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
164	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
165	Máy tính để bàn HP	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	12.200	12.200				x					x
166	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
167	Máy tính để bàn	Phòng thư viện	1,00	14.568		14.568	8.741		x					x
168	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
169	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
170	Máy tính để bàn	Phòng thư viện	1,00	14.568		14.568	8.741		x					x
171	Máy tính để bàn giáo viên	Phòng máy số 2	1,00	17.670	17.670		14.136		x					x
172	Máy tính để bàn giáo viên Robo	Phòng máy số 1	1,00	14.710	14.710					x				x
173	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
174	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
175	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
176	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
177	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
178	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
179	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
180	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
181	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
182	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
183	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
184	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x

STT	Danh mục xe ô tô và tài sản khác của cơ quan, đơn vị, tổ chức	Bộ phận sử dụng	Số lượng	Giá trị theo sổ kế toán đến thời điểm công khai (Nghìn đồng)				Mục đích sử dụng						
				Tổng cộng	Nguyên giá		Giá trị còn lại	Phục vụ chức danh có tiêu chuẩn	Phục vụ công tác chung	Phục vụ hoạt động đặc thù	Kinh doanh	Cho thuê	Liên doanh, liên kết	Sử dụng khác
					Nguồn ngân sách	Nguồn khác								
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*
185	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
186	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
187	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
188	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
189	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
190	Máy tính để bàn học sinh	Phòng máy số 2	1,00	16.340	16.340		13.072							x
191	Vách ngăn tường phòng Phó Hiệu trưởng	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	1,00	11.993	11.993				x					x

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Người lập báo cáo	**Thủ trưởng đơn vị**
(Ký, họ tên)	*(Ký, họ tên và đóng dấu)*
Nguyễn Thị Hiền	**Mai Xuân Kiên**

Bộ, tỉnh: Tỉnh Kon Tum **Mẫu số 09d-CK/TSC**

Cơ quan quản lý cấp trên: Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Quảng Ngãi

Cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng tài sản: Trường Trung học phổ thông Trần Hưng Đạo

Mã đơn vị: 1002685

Loại hình đơn vị: Khối sự nghiệp

CÔNG KHAI TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG

Năm 2025

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
I	**Đất**															
II	**Nhà**															
III	**Xe ô tô**															
IV	**Tài sản cố định khác**	**747.852**	**147.498**													
1	Bài thí nghiệm chuẩn độ	42.208					x									
2	Bàn ghế nệm	10.000					x									
3	Bộ thí nghiệm biểu diễn điện hóa	47.000					x									
4	Bộ thí nhiệm về tĩnh điện biểu diễn	95.334					x									
5	Bộ tiêu bản di truyền học	24.240					x									
6	Điều hòa nhiệt độ	26.500					x									
7	Máy chủ Powercom		33.000				x									
8	Máy photocopy Xerox 07		89.550				x									
9	Máy tính để bàn HP	12.200					x									
10	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
11	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
12	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)		Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá	Giá trị còn	Điều		Thanh	Tiêu	Xử lý trong trường	Xử lý			Đã nộp tài	Chưa nộp tài		

	báo cáo được xử lý	Nguồn ngân sách	Nguồn khác	Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác	điểm báo cáo	Tổng cộng	tài khoản tạm giữ	nộp tài khoản tạm giữ	xử lý	chú
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
13	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
14	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
15	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
16	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
17	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
18	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
19	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
20	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
21	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
22	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
23	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
24	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
25	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
26	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
27	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
28	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
29	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
30	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
31	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
32	Máy tính học sinh Robo	13.490					x									
33	Máy tính xách tay 2016	13.000					x									
34	Máy tính xách tay HP 15-2018		24.948				x									
35	Projecter 2017	30.000					x									

STT	Danh mục tài sản trong kỳ báo cáo được xử lý	Giá trị theo sổ sách kế toán (Nghìn đồng)			Hình thức xử lý theo Quyết định của cấp có thẩm quyền						Kết quả xử lý đến thời điểm báo cáo	Số tiền thu được từ xử lý tài sản (Nghìn đồng)			Chi phí xử lý	Ghi chú
		Nguyên giá		Giá trị còn lại	Điều chuyển	Bán	Thanh lý	Tiêu hủy	Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại	Xử lý khác		Tổng cộng	Đã nộp tài khoản tạm giữ	Chưa nộp tài khoản tạm giữ		
		Nguồn ngân sách	Nguồn khác													
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15*	*16*	*17*
36	Projecter 2017	30.000					x									

37	Projecter 2017	30.000					x									
38	Thiết bị khảo sát định luật Bolye-mariotte	77.100					x									

Ngày 12 tháng 01 năm 2026

Người lập báo cáo
(Ký, họ tên)

Nguyễn Thị Hiền

Thủ trưởng đơn vị
(Ký, họ tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH QUẢNG NGÃI
TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRẦN HƯNG ĐẠO

Mai Xuân Kiên

QLTS.VN